

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2025
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đăng Tỉnh và bà Đỗ Thị Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2025/HNGĐ-ST ngày 08/8/2025 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/9/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hoàng N – sinh ngày 21/5/1992, số định danh cá nhân: 056192005245, nơi thường trú: thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa (nay là thôn X, xã V, tỉnh Khánh Hòa). Có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Minh N1 – sinh ngày 20/02/1986, số định danh cá nhân: 054086004342, nơi thường trú: thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là thôn T, xã Ô, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị N và anh N1 tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 30/8/2013 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa (nay là xã V, tỉnh Khánh Hòa), trong thời gian sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên kinh cãi, anh N1 đi làm xa thiếu sự quan tâm chăm sóc vợ con; chị N nhiều lần khuyên bảo nhưng anh N1 không nghe mà còn xúc phạm chị N, sau đó nhiều lần hai bên tự hòa giải với nhau nhưng không thành, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Nay không còn tình cảm, không thể quay lại sống chung, nên chị N xin được ly hôn với anh N1.

Về con chung: Có 02 con chung Trần Minh T – sinh ngày 25/10/2013 và Trần Minh L – sinh ngày 25/02/2019. Hiện hai con đang do chị N trực tiếp nuôi

dưỡng, nay ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai có tại hồ sơ vụ án, bị đơn trình bày:

Về hôn nhân: Anh N1 với chị N quen biết, tìm hiểu nhau rồi đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, sau đó anh N1 đi làm ăn sinh sống xa vợ con nên mới xảy ra mâu thuẫn. Nay chị N xin ly hôn thì anh N1 đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Có 02 con chung Trần Minh T – sinh ngày 25/10/2013 và Trần Minh L – sinh ngày 25/02/2019. Nay ly hôn anh N1 yêu cầu được nuôi dưỡng Trần Minh L; chị N nuôi dưỡng Trần Minh T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Vụ án đã được Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị N được ly hôn với anh N1. Về con chung: giao cả hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh N1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị N có đơn xin ly hôn với anh N1 hiện sinh sống tại xã Ô, tỉnh Đắk Lắk là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số: 85/2025/QH15).

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số: 85/2025/QH15), Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về hôn nhân: Chị N và anh N1 tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 30/8/2013 tại UBND xã V là hôn nhân hợp pháp. Theo chị N trình bày thì trong thời gian sống chung vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên kinh cãi, anh N1 đi làm xa thiếu sự quan tâm chăm sóc vợ con; chị N nhiều lần khuyên bảo nhưng anh N1 không nghe mà còn xúc phạm

chị N, sau đó nhiều lần hai bên tự hòa giải với nhau nhưng không thành, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Nay không còn tình cảm, không thể quay lại sống chung, nên chị N xin được ly hôn với anh N1. Đồng thời, anh N1 cũng trình bày thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, sau đó anh N1 đi làm ăn sinh sống xa vợ con nên mới xảy ra mâu thuẫn. Nay chị N xin ly hôn thì anh N1 đồng ý ly hôn với chị N. Hội đồng xét xử thấy rằng, tình trạng hôn nhân giữa chị N với anh N1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N với anh N1.

[4] Về con chung: Có 02 con chung là Trần Minh T – sinh ngày 25/10/2013 và Trần Minh L – sinh ngày 25/02/2019. Hiện nay hai con đều do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, nay ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc tiếp tục giao cả hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp thực tế, nguyện vọng của con chung và để ổn định cuộc sống từ trước đến nay của các con. Nên, không chấp nhận yêu cầu của anh N1 về việc yêu cầu được nuôi dưỡng Trần Minh L. Về cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số: 85/2025/QH15); Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hoàng N.

[1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Hoàng N được ly hôn với anh Trần Minh N1.

[2] Về con chung: Chị Lê Thị Hoàng N trực tiếp nuôi dưỡng Trần Minh T – sinh ngày 25/10/2013 và Trần Minh L – sinh ngày 25/02/2019. Anh Trần Minh N1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Trần Minh N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị Hoàng N phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 5870 ngày 07/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk – Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án dân sự;
- UBND xã Vạn Hưng, tỉnh Khánh Hòa
(ĐKKH số 78 ngày 30/8/2013 tại UBND xã
Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh, Khánh Hòa);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Triều